TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **45**/2020/QĐST-VHNGĐ	*TP. S, ngày 12 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 30/2020/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Người yêu cầu: **Nguyễn Thành P**; Địa chỉ: Số Ơ – LK 04-18, đường D, khu đô thị N, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Khu chung cư C, đường M, phường A, quân N, thành phố C.

- Người yêu cầu: Bà **Dương Thị Thúy Â**; Số Ơ – LK 04-18, đường D, khu đô thị N, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Số 5/4, đường M, phường X, quân N, thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành P, bà Dương Thị Thúy Â chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn. Hôn nhân của ông, bà được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu ông P, bà Â chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông P, bà Â bất đồng về quan điểm sống, về cách nuôi dạy con, về kinh tế. Khi xãy ra mâu thuẫn thì ông P, bà Â đã nhiều lần hàn gắn tình cảm để vợ chồng chung sống với nhau nhưng nhiều lần hàn gắn không được. Ông P, bà Â sống ly thân từ ngày 01/02/2020 đến nay.

Nay ông Nguyễn Thành P, bà Dương Thị Thúy Â nhận thấy hiện nay ông, bà đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Từ đó ông, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của ông P, bà Â.

Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Thành P, bà Dương Thị Thúy Â đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông, bà đã sống ly thân từ ngày 01/02/2020 cho đến nay. Hiện nay ông Nguyễn Thành P, bà Dương Thị Thúy Â không còn chung sống như vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Thành P, bà Dương Thị Thúy Â.

[2]. Về con chung: Ông Nguyễn Thành P, bà Dương Thị Thúy Â tự khai có hai người con chung tên Nguyễn Dương Thành N, sinh ngày 28/10/2013 và Nguyễn Dương Ngọc A, sinh ngày 23/7/2017. Sau khi ly hôn ông P, bà Â thống nhất giao con chung tên Nguyễn Dương Thành N, sinh ngày 28/10/2013 cho ông Nguyễn Thành P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà Â không cấp dưỡng nuôi cháu N; Còn cháu Nguyễn Dương Ngọc A, sinh ngày 23/7/2017 giao cho bà Â trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đến tuổi trưởng thành, ông P không cấp dưỡng nuôi cháu A.

[3]. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thành P, bà Dương Thị Thúy Â tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Ông Nguyễn Thành P, bà Dương Thị Thúy Â tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Thành P, bà Dương Thị Thúy Â mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Thúy Â và ông Nguyễn Thành P thuận tình ly hôn;

1.2 Về con chung: Bà Dương Thị Thúy Â và ông Nguyễn Thành P thống nhất giao con chung tên Nguyễn Dương Thành N, sinh ngày 28/10/2013 cho ông Nguyễn Thành P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; Cháu Nguyễn Dương Ngọc A, sinh ngày 23/7/2017 giao cho bà Dương Thị Thúy Â

trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

1.3 Về nghĩa vụ cấp dưỡng:

+ Ông Nguyễn Thành P không cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Dương Ngọc A, sinh ngày 23/7/2017.

+ Bà Dương Thị Thúy Â không cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Dương Thành N, sinh ngày 28/10/2013.

- Ông Nguyễn Thành P có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Dương Ngọc A, sinh ngày 23/7/2017 mà không ai được cản trở.

- Bà Dương Thị Thúy Â có quyền, nghĩa vụ thăm nom Nguyễn Dương Thành N, sinh ngày 28/10/2013 mà không ai được cản trở.

1.4 Về tài sản chung: Bà Dương Thị Thúy Â và ông Nguyễn Thành P tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

1.5 Về nợ chung: Bà Dương Thị Thúy Â và ông Nguyễn Thành P tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị Thúy Â và ông Nguyễn Thành P mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng lệ phí do Bà Dương Thị Thúy Â và ông Nguyễn Thành P đã nộp theo biên lai thu số 0001726 và 0001727 cùng ngày 26/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Dương Thị Thúy Â và ông Nguyễn Thành P đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPS;
- Chi cục THADS TPS;
- UBND huyện K, tỉnh Sóc Trăng.
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Định